

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 40

10/1
C
RÁCH
ÈM T
VI
G

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN X20 *HL*



Chu Văn Đệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

12
G
MI
VÀ
N
11



Số: 1403.05 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/3/2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TY
ỨU
ĐINH
AM
P.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ngô Bá Duy
Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

M.S.D.A.
HẠN
GIÁ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.252.024.934	210.457.709.018
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	190.950.080.012	31.445.186.704
1. Tiền	111		190.950.080.012	31.445.186.704
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	100.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.251.348.777	140.327.920.320
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	47.974.950.878	144.158.486.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	47.648.775.118	1.621.424.641
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	6.390.998.190
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	627.622.781	91.139.111
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	-	(11.934.128.252)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	19.799.690.041	38.048.353.160
1. Hàng tồn kho	141		20.633.757.644	42.677.002.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(834.067.603)	(4.628.649.205)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.150.906.104	636.248.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	1.150.906.104	217.579.060
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15.	-	418.669.774
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.345.538.647	199.925.135.175
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.700.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	19.700.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		117.193.696.889	129.778.140.300
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	107.319.979.748	119.878.029.837
- Nguyên giá	222		330.203.300.494	327.847.417.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.883.320.746)	(207.969.387.415)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	9.873.717.141	9.900.110.463
- Nguyên giá	228		10.695.633.720	10.535.633.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(821.916.579)	(635.523.257)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		924.692.243	185.443.519
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	924.692.243	185.443.519
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	63.394.835.186	63.394.835.186
1. Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.132.314.329	6.566.716.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	12.132.314.329	6.566.716.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		521.597.563.581	410.382.844.193

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

TRẢ KIỂM
KẾ TÍNH
10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		245.230.446.342	160.535.088.849
I. Nợ ngắn hạn	310		240.030.446.342	158.735.088.849
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	115.115.079.795	111.592.214.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	28.958.971.238	3.513.594.515
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15.	18.224.026.154	3.515.694.712
4. Phải trả người lao động	314		24.695.241.197	21.999.902.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	2.478.748.659	5.279.629.946
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	30.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	8.454.911.884	4.403.284.876
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.	39.744.382.079	3.052.439.862
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.329.085.336	5.378.327.781
II. Nợ dài hạn	330		5.200.000.000	1.800.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	700.000.000	1.300.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20.	4.500.000.000	500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.367.117.239	249.847.755.344
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21.	276.367.117.239	249.847.755.344
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.231.477.314	20.712.115.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.959.029.150	6.959.029.150
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.272.448.164	13.753.086.269
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		521.597.563.581	410.382.844.193

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Trần Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Ngô Thị Hoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.206.020.138.415	875.811.982.133
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1.206.020.138.415	875.811.982.133
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.039.913.872.041	793.380.409.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		166.106.266.374	82.431.572.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	10.210.488.958	18.758.025.315
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	82.401.260	29.706.038
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	31.895.147.553	15.742.572.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	94.999.145.541	71.182.345.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		49.340.060.978	14.234.973.906
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	239.308.603	279.465.269
12. Chi phí khác	32	VI.6.	120.100.139	22.056.188
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		119.208.464	257.409.081
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.459.269.442	14.492.382.987
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	9.186.821.278	739.296.718
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.272.448.164	13.753.086.269

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Trần Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Ngô Thị Hoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Chu Văn Đệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		49.459.269.442	14.492.382.987
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.849.629.341	18.333.689.876
-	Các khoản dự phòng	03		20.963.232.363	(1.671.308.351)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(81.410.279)	246.019
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.140.081.166)	(18.605.004.327)
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		4.000.000.000	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.050.639.701	12.550.006.204
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		57.598.784.498	(79.225.963.113)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.043.244.721	(11.886.877.708)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41.271.593.386	42.861.224.744
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.498.925.203)	1.515.746.192
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.936.934.291)	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.452.328.714)	(4.801.313.657)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		189.076.074.098	(38.987.177.338)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.004.434.654)	(7.134.802.270)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		236.222.222	29.629.630
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.459.154.688)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.974.570.170	2.621.106.085
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.252.796.950)	(4.484.066.555)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.350.000.000)	(8.624.069.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.350.000.000)	(8.624.069.800)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		159.473.277.148	(52.095.313.693)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.445.186.704	83.540.746.416
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.616.160	(246.019)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	190.950.080.012	31.445.186.704

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

22 / T HƯ ĐỊ A / P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0100109339 ngày 10/5/2024 về bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày./.

Trụ sở chính của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Số 04 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

Danh sách Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội
2. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
3. Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần X20	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
4. Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 664 người (tại ngày 31/12/2023 là 608 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

31/12
CỔ
CH
M T O
VII
/ GI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc xác định tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

022
ING
HIỆN
ÁN VỊ
T P
4Y-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

20
T
H
Đ
A
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định

Y
JHA
HGI
M
HA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm và Bản quyền, bằng sáng chế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

M.S.D.
 NỘI...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền lương nghỉ phép, chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết

TRÁ
KIỂM
CÁU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm và Dự phòng quỹ tiền lương.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

12
CỔ
CHN
ATO/
VIỆ
G/A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

022
NG
HIỆN
(N.V)
T.M
V.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

18. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**1. Tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.113.318.544	2.501.020.668
Tiền gửi ngân hàng	188.836.761.468	28.944.166.036
Cộng	190.950.080.012	31.445.186.704

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

NG TY CỔ PHẦN X20
chị: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
1 Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ic thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2024

01/01/2024

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	61.735.835.186	-	61.735.835.186	-
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (i)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (ii)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (iii)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (iv)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-
Công ty Cổ phần 199 (v)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	-
Cộng	63.394.835.186	-	63.394.835.186	-

i) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

ii) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

iii) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

iv) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

- (v) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 31/12/2024, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (*)	100.000.000	-	-	-
Cộng	100.000.000	-	-	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, lãi trả cuối kỳ.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	-	-	9.301.376.971	(9.301.376.971)
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	-	50.456.546.403	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	-	1.224.637.766	-
Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Kim Ánh	-	-	2.939.663.793	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	-	-	11.270.971.838	-
Bộ tư lệnh Biên phòng - Bộ Quốc phòng	-	-	5.162.856.343	-
Cục Dân quân tự vệ	-	-	31.592.259.900	-
Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	23.154.791.994	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân Đội	10.371.135.463	-	87.394.906	-
Tổng cục thuế	14.512.798.450	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	3.821.974.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu Quân đội	2.065.546.000	-	-	-
Các đối tượng khác	17.203.496.765	-	8.967.986.716	(2.632.751.281)
Cộng	47.974.950.878	-	144.158.486.630	(11.934.128.252)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	47.052.032.598	-
Công ty Cổ phần Thời trang Haki	-	1.523.424.641
Các đối tượng khác	596.742.520	98.000.000
Cộng	47.648.775.118	1.621.424.641

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (1)	-	-	6.390.998.190	-
			6.390.998.190	-
b) Dài hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (1)	19.700.000.000	-	-	-
	19.700.000.000	-	-	-
Cộng	19.700.000.000	-	6.390.998.190	-

(1) Hợp đồng cho vay số 01/2023/X20-X20TN ngày 15/06/2023 với hạn mức cho vay là 19.700.000.000 đồng. Thời hạn 5 năm, lãi suất 2,5%/ năm, lãi trả cuối kỳ. Phương thức cho vay là cấp vốn từng lần qua tài khoản thanh toán hoặc bù trừ công nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích để bổ sung vốn lưu động.

c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Cầm cổ ký cược. ký quỹ	110.000.000	-	11.500.000	-

12
CỔ
CH
MT
VI
/G

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phải thu khác	417.080.849	-	55.135.120	-
Dự nợ phải trả khác	100.541.932	-	24.503.991	-
Cộng	627.622.781	-	91.139.111	-

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	-	-	9.301.376.971	-
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	-	-	1.392.082.205	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	-	-	997.191.910	-
Các đối tượng khác	-	-	243.477.166	-
Cộng	-	-	11.934.128.252	-

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.536.554.482	(834.067.603)	20.981.674.007	(4.628.649.205)
Công cụ, dụng cụ	712.045	-	31.601.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.858.603.428	-	4.632.495.991	-
Thành phẩm	1.142.011.853	-	14.429.151.090	-
Hàng hoá	3.095.875.836	-	2.602.079.974	-
Cộng	20.633.757.644	(834.067.603)	42.677.002.365	(4.628.649.205)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

ANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Anh thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2024	230.594.837.899	69.569.113.031	16.311.965.344	6.277.208.851	5.094.292.127	327.847.417.252	
Mua trong năm	283.677.400	2.587.007.408	2.284.792.087	1.287.332.091	-	6.442.808.986	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	662.376.944	-	-	-	662.376.944	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.234.302.688)	-	(515.000.000)	-	(4.749.302.688)	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2024	230.284.360.754	69.178.349.240	18.596.757.431	7.049.540.942	5.094.292.127	330.203.300.494	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2024	135.173.194.158	53.813.695.705	9.813.323.501	4.788.881.924	4.380.292.127	207.969.387.415	
Khấu hao trong năm	11.532.029.831	5.906.195.795	1.627.341.341	597.669.052	-	19.663.236.019	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.234.302.688)	-	(515.000.000)	-	(4.749.302.688)	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2024	146.111.069.444	56.079.743.357	11.440.664.842	4.871.550.976	4.380.292.127	222.883.320.746	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024	95.421.643.741	15.755.417.326	6.498.641.843	1.488.326.927	714.000.000	119.878.029.837	
Tại ngày 31/12/2024	84.173.291.310	13.098.605.883	7.156.092.589	2.177.989.966	714.000.000	107.319.979.748	

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 93.346.517.263 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 87.592.590.479 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	9.504.466.000	1.031.167.720	10.535.633.720
Mua trong năm	-	160.000.000	160.000.000
Số dư ngày 31/12/2024	9.504.466.000	1.191.167.720	10.695.633.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	-	635.523.257	635.523.257
Khấu hao trong năm	-	186.393.322	186.393.322
Số dư ngày 31/12/2024	-	821.916.579	821.916.579
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	9.504.466.000	395.644.463	9.900.110.463
Tại ngày 31/12/2024	9.504.466.000	369.251.141	9.873.717.141

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 263.367.720 đồng)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Chi phí sửa chữa lớn</i>	125.175.000	185.443.519
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	125.175.000	185.443.519
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	799.517.243	-
Phần mềm quản lý khách sạn	480.917.243	-
Bản quyền hệ thống phần mềm FPR SPRO	318.600.000	-
Cộng	924.692.243	185.443.519

12. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	1.150.906.104	217.579.060
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	878.004.506	109.186.212
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	100.978.112	101.788.126
Chi phí trả trước khác	171.923.486	6.604.722
<i>b) Dài hạn</i>	12.132.314.329	6.566.716.170
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	6.855.727.199	868.522.133
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	5.276.587.130	5.698.194.037
Cộng	13.283.220.433	6.784.295.230

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	18.489.327.643	18.489.327.643	10.802.768.632	10.802.768.632
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	15.493.369.596	15.493.369.596	1.298.624.144	1.298.624.144
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Kim Ánh	-	-	980.508.840	980.508.840
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	-	-	2.510.273.052	2.510.273.052
Công ty Cổ phần May Khang Việt	-	-	3.921.179.300	3.921.179.300
Công ty TNHH Phong Lan	7.756.058.988	7.756.058.988	13.170.009.154	13.170.009.154
Công ty Cổ phần 199	12.847.387.801	12.847.387.801	13.857.015.489	13.857.015.489
Công ty Cổ phần dệt may 7	-	-	9.801.567.756	9.801.567.756
Các đối tượng khác	60.528.935.767	60.528.935.767	55.250.268.324	55.250.268.324
Cộng	115.115.079.795	115.115.079.795	111.592.214.691	111.592.214.691

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	28.339.634.076	-
Các đối tượng khác	619.337.162	3.513.594.515
Cộng	28.958.971.238	3.513.594.515

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	a) Phải nộp			
Thuế GTGT	3.483.710.175	18.752.718.586	10.080.003.833	12.156.424.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.768.151.504	2.936.934.291	5.831.217.213
Thuế thu nhập cá nhân	31.984.537	1.522.986.278	1.318.586.802	236.384.013

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
Đ. PHAN ĐÌNH GIÓT
P. PHƯƠNG LIỆT
Q. THANH XUÂN
H. NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường.Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	336.796.849	336.796.849	-
Các loại thuế khác	-	322.254.810	322.254.810	-
Cộng	3.515.694.712	29.702.908.027	14.994.576.585	18.224.026.154

b) Phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.669.774	418.669.774	-	-
Cộng	418.669.774	418.669.774	-	-

16. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	922.000.000	564.868.800
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng	-	3.507.926.147
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	597.913.660	248.000.000
Cộng	2.478.748.659	5.279.629.946

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê chưa thực hiện	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	-

18. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	436.865.775	251.582.509
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	715.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.303.046.109	3.401.702.367
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	222.630.200	222.630.200
Trợ cấp thôi việc	49.029.566	61.274.933
Các quỹ khác của Công ty	35.827.000	223.179.000
Phải trả khen thưởng thi đua năm 2024	2.111.020.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.884.539.343	2.894.618.234

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Dài hạn	700.000.000	1.300.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	700.000.000	1.300.000.000
Cộng	9.154.911.884	5.703.284.876

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**19. Dự phòng phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	24.593.502.468	3.052.439.862
Dự phòng quỹ tiền lương	15.150.879.611	-
Cộng	39.744.382.079	3.052.439.862

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu năm	500.000.000	500.000.000
Trích lập quỹ	4.000.000.000	4.000.000.000
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	-	-
Số cuối năm	4.500.000.000	4.500.000.000

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2023	172.500.000.000	23.109.814.056	195.609.814.056
Lãi trong năm trước	-	13.753.086.269	13.753.086.269
Chia cổ tức	-	(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(7.525.784.906)	(7.525.784.906)
Số dư ngày 31/12/2023	172.500.000.000	20.712.115.419	193.212.115.419
Lãi trong năm nay	-	40.272.448.164	40.272.448.164
Chia cổ tức (*)	-	(10.350.000.000)	(10.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành công ty (*)	-	(3.403.086.269)	(3.403.086.269)
Số dư ngày 31/12/2024	172.500.000.000	47.231.477.314	219.731.477.314

20
ÔN
H NH
TOÁI
IỆ
2/1

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/8/2024 thì Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành công ty là 3.403.086.269 đồng và chia cổ tức 6% trên Vốn điều lệ là 10.350.000.000 đồng.

b) <i>Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

c) <i>Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.350.000.000	8.625.000.000

d) <i>Cổ phiếu</i>	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

e) <i>Các quỹ của doanh nghiệp</i>	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Khoản mục				
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925
Cộng	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925

222
JG
IEM
VVA
TN
V-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	67.483,77	961,37

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Cái Mép	8.912.276.971	-
Uniao Suprimentos Militares Ltda Ep	36.058.808	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	-
CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	-
Công ty Xây dựng 472 - BĐ12	208.881.400	-

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	1.168.036.491.021	851.564.192.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.983.647.394	24.247.790.000
Cộng	1.206.020.138.415	875.811.982.133

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.014.575.153.348	782.067.986.630
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.133.300.295	12.749.900.642
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.794.581.602)	(1.437.477.659)
Cộng	1.039.913.872.041	793.380.409.613

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.725.720.170	2.538.156.085
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.178.138.774	16.037.218.612
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	249.901.857	182.650.618
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	56.728.157	-
Cộng	10.210.488.958	18.758.025.315

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	246.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	82.401.260	29.460.019
Cộng	82.401.260	29.706.038

5. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC	236.222.222	29.629.630
Thu phí bảo vệ và vệ sinh buồng thẻ ATM	-	16.363.636
Thu nhập khác	3.086.381	233.472.003
Cộng	239.308.603	279.465.269

6. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	117.802.973	-
Chi phí khác	2.297.166	22.056.188
Cộng	120.100.139	22.056.188

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	34.947.587.415	18.499.558.545
Chi phí nhân viên bán hàng	1.511.061.214	745.188.700

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.240.645.564	2.935.442.748
Chi phí dụng cụ đồ dùng	794.154.500	760.290.195
Chi phí khấu hao TSCĐ	172.220.557	172.051.633
Dự phòng bảo hành sản phẩm	24.593.502.468	3.076.249.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.335.008.027	1.981.102.389
Chi phí bằng tiền khác	4.300.995.085	8.829.233.494
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	95.440.230.005	71.711.629.900
Chi phí nhân viên quản lý	30.996.157.422	26.970.071.808
Dự phòng tiền lương	15.150.879.611	-
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.013.022.526	885.221.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.103.379.125	5.960.484.760
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.936.723.399	3.836.972.600
Thuế, phí, lệ phí	1.614.591.127	1.861.303.885
Chi phí dự phòng	112.318.133	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.972.391.892	6.680.122.053
Chi phí bằng tiền khác	29.540.766.770	25.517.452.984
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.493.524.326)	(3.286.270.554)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(3.052.439.862)	(2.756.985.771)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(441.084.464)	(529.284.783)
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.607.855.953	49.006.530.501
Chi phí nhân công	124.517.758.440	67.231.180.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.849.629.341	18.333.689.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.306.643.309	80.256.627.849
Chi phí bằng tiền khác	65.648.691.611	45.349.694.209
Cộng	457.930.578.654	260.177.722.911

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	49.079.257.122	14.492.382.987
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	8.178.138.774	16.199.599.587
Các khoản chi phí được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.757.600.000	5.403.700.189

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(56.728.157)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	45.601.990.191	3.696.483.589
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	9.120.398.038	739.296.718
Hoạt động ưu đãi thuế TNDN		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	380.012.320	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	380.012.320	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế năm hiện hành	38.001.232	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	9.158.399.270	739.296.718
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	28.422.008	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.186.821.278	739.296.718

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bù trừ công nợ phải trả với khoản phải thu về cho vay	50.152.878	51.500.000.000
Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	7.929.288.774	15.954.268.612
Chuyển công nợ phải thu thành phải thu về cho vay	-	6.390.998.190

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa
 Công ty TNHH MTV X20 Nam Định
 Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An
 Bộ Quốc Phòng
 Tổng Cục Hậu cần (nay là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng)
 Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5
 Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật
 Công ty Cổ phần 22
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty Cổ phần 26
 Công ty Cổ phần X19 Miền Trung
 Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk
 Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội
 Tổng Công ty XD Trường Sơn
 Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam
 Tổng Công ty Đông Bắc
 Công ty TNHH MTV 76
 Công ty TNHH MTV Cao su 75
 Công ty TNHH MTV 43
 Công ty Cổ phần 199
 Ông Chu Văn Đệ
 Ông Hoàng Sỹ Tâm
 Ông Hà Chí Khoa
 Ông Phạm Văn Đông
 Ông Lê Văn Nghĩa
 Ông Đỗ Hoàng Sơn

 Ông Nguyễn Hữu Tâm

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng

 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
 Công ty liên kết
 Chủ tịch
 Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc
 Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
 Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
 Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
 Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
 Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)

20
Đ
N
N
H
I
Á
N
T
T
T

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ
ngày 02/8/2024)

Ông Hoàng Văn Linh

Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ
ngày 02/8/2024)

Bà Ngô Thị Hoa

Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày
02/8/2024) - Trưởng Ban kiểm soát (Miễn
nhiệm từ ngày 02/8/2024)

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày
02/8/2024)

Bà Phan Thị Thủy

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Vinh

Thành viên Ban kiểm soát

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm	834.428.418.897	557.764.209.087
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	98.995.425	565.784.109
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	363.010.957	233.472.000
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	818.195.008.824	551.446.888.978
Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	534.945.889	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	4.441.053.297	-
Chi nhánh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.398.711.041	2.410.277.000
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	1.304.973.954	-
Công ty Cổ phần 26	4.960.851.580	3.107.787.000
Tổng Công ty XD Trường Sơn	46.500.000	-
Tổng Công ty Trục Thăng Việt Nam	46.337.264	-
Tổng Công ty Đông Bắc	38.030.666	-
Doanh thu bán và cho thuê tài sản, mặt bằng	18.053.945.518	17.145.606.182
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.299.536.124	1.887.854.305
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	10.415.177.378	10.472.623.228
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.826.461.672	2.722.461.672
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	2.534.222.636	1.900.666.977
Công ty Cổ phần 199	(21.452.292)	162.000.000
Mua hàng	601.655.534.997	485.556.480.460
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	39.323.381.642	10.523.894.282
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	393.287.235.834	385.656.807.957
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	35.368.697.046	5.353.660.352
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	57.674.151.559	39.279.124.904
Công ty Cổ phần 199	62.579.643.414	41.032.132.712
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.448.313.920	866.918.018

22
G
ỀM
VÀ
N

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi nhánh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.073.011.954	-
Công ty Cổ phần 22	251.452.963	170.394.924
Công ty Cổ phần 26	712.011.050	686.167.213
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	4.277.994.900	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	2.655.473.900	1.987.380.098
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	926.486.155	-
Công ty TNHH MTV 76	77.680.660	-
Lãi cho vay	464.511.353	308.644.659
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	233.013.700
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	464.511.353	75.630.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.178.138.774	16.037.218.612
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.649.858.401	1.007.021.521
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	4.761.910.659	11.339.625.336
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	289.306.344	3.511.931.769
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.228.213.370	95.689.986
Công ty Cổ phần 199	248.850.000	82.950.000
Cho vay	13.359.154.688	6.390.998.190
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	13.359.154.688	6.390.998.190
Thu hồi khoản cho vay	50.152.878	51.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	51.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	50.152.878	-
Cổ tức phải trả	7.422.714.000	6.185.595.000
Bộ Quốc Phòng	7.422.714.000	6.185.595.000
c) Số dư với các bên liên quan	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	4.164.366.564	63.204.305.767
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	1.224.637.766
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	-	252.149.760
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	50.456.546.403
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	11.270.971.838
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	259.639.000	-
Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam	41.680.244	-
Tổng Công ty Đông Bắc	41.073.120	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	3.821.974.200	-
Người mua trả tiền trước	28.476.408.390	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	28.339.634.076	-
Công ty TNHH MTV Cao su 75	69.191.542	-

28
T
HỮU
ĐỊNH
AN
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH MTV 43	31.490.126	-
Tổng công ty XD Trường Sơn	36.092.646	-
Phải thu về cho vay	19.700.000.000	6.390.998.190
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	19.700.000.000	6.390.998.190
Phải trả người bán	51.555.563.221	26.529.664.046
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	18.489.327.643	10.802.768.632
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	15.493.369.596	1.298.624.144
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	3.758.847.717	-
Công ty Cổ phần 199	12.847.387.801	13.857.015.489
Công ty Cổ phần 22	260.780.000	-
Công ty Cổ phần 26	293.153.815	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	176.544.000	202.934.016
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	152.257.536	368.321.765
Công ty TNHH MTV 76	83.895.113	-
Trả trước cho người bán	47.052.032.598	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	47.052.032.598	-
Phải trả khác	900.000.000	-
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	500.000.000	-
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	200.000.000	-
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	200.000.000	-

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	4.935.455.952	2.754.144.629
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	63.600.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	75.500.000	428.981.130
Cộng	5.082.955.952	3.246.725.759

Chi tiết từng thành viên như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Họ tên		
Chức danh		
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Điều hành và thành viên quản lý khác	4.935.455.952	2.754.144.629
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị (*) (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)	1.008.602.569
Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch Hội đồng quản trị (*) (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)	-
		310.372.755

CÔNG TY CỔ PHẦN X20Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	968.391.051	556.850.996
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	780.358.839	468.139.466
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	790.284.942	461.928.235
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc từ ngày 02/8/2024 và miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 02/8/2024	716.084.430	411.572.287
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	671.734.121	-
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	15.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	21.000.000	31.800.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	21.000.000	31.800.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban (không chuyên trách) (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)	27.500.000	-
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban (chuyên trách) (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-	390.581.130
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên	24.000.000	19.200.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	24.000.000	19.200.000
Cộng		5.082.955.952	3.246.725.759

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần X20 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thùv Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

TỔNG CỤC HẬU CẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~176~~/CTCP-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

V/v công bố thông tin
BCTC đã được kiểm toán
năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần X20 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: X20
- Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0243 864 3381 Fax: 0243 864 1208
- Email: info@gatexco20.com.vn Website: www.gatexco20.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTCh năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC được kiểm toán năm 2024.

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:


Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /03/2025 tại đường dẫn: <https://gatexco20.com.vn/thong-tin-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.H02.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



Chu Văn Đệ